

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2021/DS-PT

Ngày: 19-4-2021

*“V/v kiện đòi bồi thường thiệt
hại về tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Văn Công Dân và ông Nguyễn Duy Thuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc: Ông Ngụ Văn Minh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLPT-DS ngày 02/3/2021, về việc *“Bồi thường thiệt hại về tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 42/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Minh T - sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1946; địa chỉ: Thôn 3, xã EaKpam, huyện CưM'gar, tỉnh Đắc Lắc; ông T, bà H đều có mặt.

- Bị đơn: Công ty CP cao su Đ

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1967 – C/v: Phó phòng nhân sự bảo vệ Chi nhánh Công ty CP cao su Đ, Nông trường G; có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Bà Nguyễn Thị H và ông Lê Minh T là vợ chồng, ông T nguyên là cán bộ kỹ thuật của nông trường cao su 0 nay là nông trường cao su G (gọi tắt là nông trường). Năm 1994 do có đường dây điện trung thế chạy qua khu vực đất trồng cao su của nông trường nên nông trường đã cắt bỏ 5 hàng cây cao su và giao lại số diện tích đất này cho cán bộ và công nhân của nông trường công tác trong đó có

gia đình bà H và ông T. Lúc giao đất chỉ áng diện tích khoảng bao nhiêu mét vuông chứ không đo đạc cụ thể. Từ năm 1995 bà H và ông T bắt đầu đào giếng trồng cà phê, tự trồng không có văn bản giao đất hay hợp đồng gì cả, trồng tổng cộng 400 cây cà phê. Trong quá trình canh tác do nhà nước có mở rộng đường nên đã thu hồi một phần diện tích đất phải nhổ 80 cây cà phê, còn lại 320 cây cà phê. Khi đến chu kỳ thu hoạch cà phê gia đình cũng không phải đóng sản lượng cho nông trường. Đến năm 2017 nông trường thông báo đình chỉ không cho chăm sóc cà phê nữa cho đến khi thu hồi đất chỉ được trồng cây ngắn ngày, cuối năm 2017 gia đình bà H nhổ ½ số cây cà phê để năm 2018 trồng lại. Đến thời điểm bà H và ông T khởi kiện tại tòa án còn 168 cây cà phê được 25 năm và 01 cái giếng đào 33m.

Nay bà H và ông T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nông trường phải bồi thường cho bà H và ông T 100.000.000 đồng gồm 168 cây cà phê trị giá 48.600.000 đồng; 01 giếng nước xây thành có nắp đậy, sâu 30m trị giá 40.000.000 đồng; tiền công chăm sóc 11.400.000 đồng.

*** Đại diện theo ủy quyền cho bị đơn Công ty CP cao su Đ là ông Nguyễn Văn L trình bày:**

Trước đây nông trường có cho ông T và bà H mượn đường bờ lô của nông trường để canh tác tăng thu nhập. Đến năm 2017 nông trường có thông báo thu hồi đất không cho ông T và bà H canh tác trên đất của nông trường nữa do thực hiện tái canh cây cà phê theo chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Từ khi nhận được thông báo năm 2017 thì bà H và ông T có chăm sóc cây trồng hay không thì nông trường không biết. Hiện nay trên đất bà H và ông T canh tác không có cây cà phê và giếng đào như trình bày của bà H và ông T, đất này đã được sử dụng làm đường nội đồng để đi lại. Do vậy, yêu cầu bồi thường của bà H và ông T không có cơ sở nên nông trường cao su G và Công ty CP cao su Đ không chấp nhận đền bù theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 84, 584 của Bộ luật dân sự; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị H về yêu cầu nông trường cao su G bồi thường thiệt hại giá trị tài sản là 100.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/01/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Cho rằng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như: Không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; khi tiếp cận công khai chứng cứ bà có cung cấp hình ảnh cây bị chặt nhưng cấp sơ thẩm không công bố; bà có đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng. Vì vậy, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; khi tiếp cận công khai chứng cứ không công khai hình ảnh vườn cây do bà H cung cấp và không áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo yêu cầu của bà H, là không có căn cứ. Tuy nhiên, việc bản án sơ thẩm xác định bị đơn là Chi nhánh Công ty CP cao su Đ – Nông trường cao su G là không đúng. Bởi lẽ, Nông trường là đơn vị hoạch toán phụ thuộc báo sổ của Công ty, không có tư cách pháp nhân; do đó, bị đơn phải là Công ty cao su Đ. Sau khi tạm ngừng phiên tòa để đưa Công ty CP cao su Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì không tiến hành các bước tố tụng như tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong biên bản xem xét thẩm định tại chỗ thì thể hiện người ghi biên bản là bà Nguyễn Thị N nhưng cuối biên bản ký tên là ông Nguyễn Văn T1. Do đó, cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H - Hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, khi tiếp cận công khai chứng cứ bà H có cung cấp hình ảnh cây bị chặt nhưng cấp sơ thẩm không công bố:

Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27 tháng 11 năm 2020 (BL 91) thể hiện rõ nội dung: “Không ghi nhận thấy có những cây trồng và cây cà phê và giếng nước như bà H trình bày”. Tại biên bản tiếp cận công khai chứng cứ ở cấp sơ thẩm đã thể hiện nội dung 03 ảnh màu khổ A4 do bà H cung cấp. Do đó, nội dung kháng cáo này của bà H là không có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo cho rằng bà H có đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng:

Cùng với việc kháng cáo của mình, bà H có cung cấp “Đơn đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời” đề ngày 12/3/2020 của bà. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án không có tài liệu nào chứng minh bà H nộp cho Tòa án đơn đề nghị này. Bên cạnh đó, bà cũng không có khiếu nại gì về việc này trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm. Vì vậy, kháng cáo này của bà H không có căn cứ xem xét.

[2.3] Cấp sơ thẩm đã có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng:

Bản án sơ thẩm xác định bị đơn là Chi nhánh Công ty CP cao su Đ – Nông trường G. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quy chế hoạt động của Công ty CP cao su Đ thì “Chi nhánh là đơn vị trực thuộc Đ bao gồm Nông trường, Nhà máy, Khách sạn”.

Tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của Công ty cũng xác định Nông trường là đơn vị hoạch toán phụ thuộc, báo sổ và không có tư cách pháp nhân. Do đó, Chi nhánh Công ty CP cao su Đ – Nông trường G không có đầy đủ năng lực pháp luật tố tụng dân sự và năng lực hành vi dân sự khi không có sự ủy quyền của Công ty CP cao su Đ (Đ). Và bị đơn trong vụ án này là Công ty cổ phần cao su Đắk Lắk chứ không phải Chi nhánh Công ty CP cao su Đ – Nông trường G như án sơ thẩm đã xác định.

Sau khi tạm ngừng phiên tòa để đưa Công ty CP cao su Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì cấp sơ thẩm chỉ thu thập ý kiến trình bày của Công ty mà không tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27/11/2020, ở mục Thư ký ghi biên bản là bà Nguyễn Thị N, tuy nhiên phần ký tên “Người ghi biên bản” là Nguyễn Văn T1.

Từ những lập luận trên, HĐXX nhận thấy án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị H để hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định và định giá: Nghĩa vụ chịu án phí DSST, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần và người kháng cáo bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên bà H không phải chịu án phí DSPT.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H – Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DSST ngày 18/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Nghĩa vụ chịu án phí DSST, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
-
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Anh Tuấn